TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
--------*---------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thúy An.**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thuý Ngọc.**
2. Ông **Nguyễn Văn Hoa.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trịnh Hồ Hải Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 89/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2026 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Phạm Thanh P**, sinh năm 1971 (có mặt).

Căn cước công dân số: 082071011052.

Địa chỉ: ấp B, xã V, tỉnh Đồng Tháp

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh P: Luật sư **Trần Thị Kim P1** – Văn phòng Luật sư Trần Thị Kim P1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (có mặt).

- *Bị đơn*: **Nguyễn Thị Ngọc P2**, sinh năm 1969 (có mặt).

Căn cước công dân số: 082169011695.

Địa chỉ: ấp B, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Thanh P trình bày:* Anh và chị P2 cưới nhau năm 1989 và có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã T (Nay là xã V). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến cách nay khoảng 03 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị P2 hay ghen tuông, vợ chồng thường hay cải nhau. Vợ chồng đã ly thân khoảng hơn 01 năm nay, không trao đổi hàn gắn được tình cảm. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị P2.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

** Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc P2 trình bày:* Chị và anh P cưới nhau năm 1989 và có đăng ký kết hôn năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh P có tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, thường hay uống rượu về nhà chửi và đánh chị nhiều lần, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện nay, anh P đang chung sống với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Tuy nhiên, nay anh P yêu cầu ly hôn, chị không đồng ý, vì anh P không đồng ý để lại tài sản chung của vợ chồng cho con.

- Về con chung: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Chị muốn vợ chồng để lại tài sản cho các con nhưng chị không đồng ý làm đơn khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong cùng vụ án này.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên toà, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị P2 thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023, vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung, anh P có những lời lẽ xúc phạm chị. Chị P2 không còn tình cảm với anh P nhưng chị P2 không đồng ý ly hôn vì anh P không đồng ý tặng cho các tài sản chung của vợ chồng cho các con nên chị P2 không đồng ý ly hôn. Chị P2 hay ghen tuông, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh P và chị P2 đều xác định vợ chồng đã ly thân khoảng hơn 01 năm nay, không trao đổi hàn gắn được tình cảm. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh P và chị P2 đã trầm trọng nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị P2 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T (Nay là xã V) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 148, ngày 08/7/2004 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên toà, anh P yêu cầu được ly hôn với chị P2, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị P2 hay ghen tuông, vợ chồng thường hay cải nhau. Vợ chồng đã ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Vợ chồng không trao đổi hàn gắn tình cảm. Trong thời gian ly thân đến nay, anh sống tại nhà mẹ ruột, không phải sống tại nhà người phụ nữ khác như chị P2 trình bày. Hiện nay, anh P không còn tình cảm vợ chồng với chị P2. Chị P2 trình bày, đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh P có tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, thường hay

uống rượu về nhà chửi và đánh chị nhiều lần, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện nay, anh P đang chung sống với người phụ nữ khác. Nay anh P yêu cầu ly hôn, chị không đồng ý vì vợ chồng chị không thoả thuận được về vấn đề tài sản chung.

Nhận thấy, tại phiên toà chị P2 thừa nhận vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn năm 2023 do anh P có tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, thường hay về nhà chửi, đánh đập chị, vợ chồng chị đã ly thân khoảng hơn 01 năm nay, vợ chồng đã nhiều lần trao đổi nhưng không hàn gắn được tình cảm và hiện nay, chị P2 không còn tình cảm với anh P và chị cũng không có phương thức nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị P2 không đồng ý ly hôn vì chị và anh P chưa thoả thuận được về tài sản chung nhưng chị không đồng ý làm đơn khởi kiện để yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, chị muốn anh P chuyển quyền các tài sản chung của vợ chồng cho các con thì chị mới đồng ý ly hôn.

Xét thấy, qua phân tích trên Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Các con đã trưởng thành, anh P và chị P2 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh P và chị P2 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh P phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Thanh P.

+ Anh Phạm Thanh P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc P2.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002250 ngày 06/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, anh P đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An

*_Nơi nhận:_
- TAND tỉnh ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- VKSND KV2 - ĐT;
- UBND xã Vĩnh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS.